

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	NGHỈ LỄ									
	2										
	3										
	4										
	5										
Thứ 3	1	THI KHẢO SÁT MÔN NGỮ VĂN							Lịch Sử (Hương)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	2								Lịch Sử (Hương)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	3	THI KHẢO SÁT MÔN TIẾNG ANH							Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	4								Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	5										
Thứ 4	1	Vật lý (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Bình)	Tiếng Anh (Dung)	Địa lý (Vĩnh)	Toán (Long)	GDTC (Tâm)	KS VẬT LÝ	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Mạnh)
	2	Vật lý (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Bình)	Tiếng Anh (Dung)	Địa lý (Vĩnh)	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Long)	KS HÓA HỌC	Toán (Mạnh)
	3	Hóa học (Nga)	Tiếng Anh (Trang)	Tiếng Anh (Dung)	Địa lý (Vĩnh)	Vật lý (Dũng)	Ngữ Văn (Bình)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Long)	KS SINH HỌC	KS SINH HỌC
	4	Hóa học (Nga)	Tiếng Anh (Trang)	Vật lý (Dũng)	Địa lý (Vĩnh)	Toán (Long)	Ngữ Văn (Bình)	GDTC (Tâm)	Địa Lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch Sử (Huệ)
	5										
Thứ 5	1	KS VẬT LÝ	GDKT&PL (Vừ)	KS VẬT LÝ	Lịch sử (Hương)	Ngữ Văn (Bình)	Địa lý (Vĩnh)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	2	KS HÓA HỌC	GDKT&PL (Vừ)	Lịch sử (Hương)	KS HÓA HỌC	Ngữ Văn (Bình)	Địa lý (Vĩnh)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	3	KS SINH HỌC	GDTC (Tâm)	Công nghệ (Long)	KS SINH HỌC	Hóa học (Sếnh)	Công nghệ (Dũng)	Ngữ Văn (Bình)	Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Lịch Sử (Huệ)
	4	Địa lý (Vĩnh)	GDTC (Tâm)	Vật lý (Dũng)	Tiếng Anh (Dung)	GD ĐP (Sếnh)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Bình)	Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Lịch Sử (Huệ)
	5	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN		SHCN	
Thứ 6	1	Ngữ Văn (Huyền)	Địa lý (Vĩnh)	Toán (Long)	Lịch sử (Hương)	Vật lý (Dũng)	Tiếng Anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)	KS MÔN NGỮ VĂN		
	2	Ngữ Văn (Huyền)	Địa lý (Vĩnh)	Toán (Long)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch sử (Hương)	Tiếng Anh (Dung)	GDTC (Tâm)			
	3	Địa lý (Vĩnh)	Tiếng Anh (Trang)	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng Anh (Dung)	GDTC (Tâm)	Toán (Long)			
	4	Địa lý (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	GDĐP (Nga)	Ngữ Văn (Bình)	Tiếng Anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Long)	SHCN		SHCN
	5										
Thứ 7	1	Tiếng Anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Địa lý (Vĩnh)	Ngữ Văn (Bình)	Tiếng Anh (Dung)	GD ĐP (Sếnh)	GDTC (Tâm)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	GDKT&PL (Vừ)
	2	Tiếng Anh (Trang)	GDTC (Tâm)	Địa lý (Vĩnh)	Ngữ Văn (Bình)	Vật lý (Dũng)	Tiếng Anh (Dung)	GD ĐP (Sếnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Lịch Sử (Huệ)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Lịch sử (Huệ)	Tiếng Anh (Trang)	Vật lý (Dũng)	GDTC (Tâm)	Ngữ Văn (Bình)	Địa lý (Vĩnh)	Tiếng Anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	4	Vật lý (Dũng)	Tiếng Anh (Trang)		Hóa học (Nga)	Địa lý (Vĩnh)	Ngữ Văn (Bình)		GDKT&PL (Vừ)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	5										

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	NGHỈ LỄ									
	2										
	3										
	4										
	5										
Thứ 3	1	KS MÔN TOÁN							KS TIẾNG ANH		
	2								TN Vật lý	TN Hóa học	TN Toán (Mạnh)
	3										TN Toán (Mạnh)
	4										
	5										
Thứ 4	1	GDTC (Tâm)				HĐTN (Nhân)			KS LỊCH SỬ		
	2		GDTC (Tâm)						KS ĐỊA LÝ		
	3			GDTC (Tâm)					KS GDKT&PL		
	4				GDTC (Tâm)						
	5										
Thứ 5	1	KS LỊCH SỬ							TN Địa lý (Vĩnh)	TN SINH HỌC	GDTC (Tâm)
	2	KS ĐỊA LÝ							TN Địa lý (Vĩnh)		GDTC (Tâm)
	3	KS GDKT&PL							TN Lịch sử		
	4										
	5										
Thứ 6	1	GDTC (Tâm)				HĐTN (Nhân)			KS MÔN TOÁN		
	2		GDTC (Tâm)								
	3			GDTC (Tâm)							
	4				GDTC (Tâm)						
	5										
Thứ 7	1	TỰ HỌC									
	2										
	3										
	4										
	5										